

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO QUY ĐỊNH CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI: CPTPP VÀ EVFTA

NGUYỄN THÁI MAI *

Tóm tắt: Hiện nay, Việt Nam đã ký kết khá nhiều các Hiệp định thương mại với các nước, trong số đó, Hiệp định Đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được đánh giá là những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới vì có phạm vi điều chỉnh sâu, rộng hơn các hiệp định thương mại truyền thống.⁽¹⁾ Cả CPTPP và EVFTA đều có quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, về cơ bản các quy định này đều dựa trên nền tảng của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và Tổ chức Thương mại thế giới, tuy nhiên đã bổ sung nhiều nội dung pháp lý mới (về đối tượng bảo hộ, về tiêu chuẩn bảo hộ; các biện pháp thực thi...). Bài viết phân tích, bình luận quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định Đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU; khuyến nghị một số nội dung pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

Từ khoá: Sở hữu trí tuệ; Hiệp định CPTPP; EVFTA; nội dung; thực thi

Nhận bài: 20/01/2021

Hoàn thành biên tập: 12/5/2021

Duyệt đăng: 12/5/2021

THE PROTECTION OF IP RIGHTS ACCORDING TO THE NEW GENERATION OF FREE TRADE AGREEMENTS: CPTPP & EVFTA

Abstract: Recently, Vietnam has signed some trade agreements with other countries, among which the Comprehensive Progressive Trans-Pacific Partnership (CPTPP) and Vietnam Free Trade Agreement - The EU (EVFTA) are considered to be the new generation of free trade agreements because of its broader scope of adjustment than the traditional ones. Both CPTPP and EVFTA offer provisions on the protection of IP rights. Although these provisions basically are based on the IP regulations of WIPO and WTO, many new legal contents have also been added (such as the objects of protection, the standards of protection, ways of enforcement...). For all of the above reasons, this article focuses on analyzing and giving comments on provisions of IP rights protection in accordance with CPTPP and EVFTA's regulations and suggests recommendations to further improve Vietnam's IP law.

Keywords: IP; CPTPP; EVFTA; content; enforcement

Received: Jan 20th, 2021; Editing completed: May 12th, 2021; Accepted for publication: May 12th, 2021

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: thaimai68@hlu.edu.vn

(1). Ngoài Hiệp định CPTPP và EVFTA, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA) đã được ký kết dựa trên cơ sở kế thừa toàn bộ các quy định của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA), hiệp định có hiệu lực tại Việt Nam, kể từ ngày 31/12/2020.

Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) “là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng”.⁽²⁾

(2). Khoản 1 Điều 4 Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi,

Cụ thể hơn về quyền SHTT chú thích 62 Hiệp định EVFTA giải thích: “*thuật ngữ quyền sở hữu trí tuệ cần bao gồm ít nhất những quyền sau: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền của người sáng chế thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; quyền đối với nhãn hiệu; quyền đối với kiểu dáng; quyền sáng chế, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với mẫu vật dụng tiện ích; quyền đối với giống cây trồng; tên thương mại trong phạm vi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo luật quốc gia liên quan*”.⁽³⁾

Bảo hộ quyền SHTT là việc nhà nước thông qua hệ thống pháp luật xác lập quyền của chủ thể đối với các đối tượng tương ứng và bảo hộ quyền đó chống lại bất kỳ sự vi phạm nào từ phía thứ ba. Với tính chất là lĩnh vực thuộc nhóm “luật tư” nhưng pháp luật về quyền SHTT lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhóm “luật công” bởi việc khai thác và sử dụng đối tượng SHTT luôn liên quan mật thiết đến lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng. Trước đây, vấn đề bảo hộ quyền SHTT thường được quy định trong các điều ước quốc tế (ĐUQT) được ký kết trong khuôn khổ của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), tuy nhiên với sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa SHTT và thương mại, SHTT ngày nay đã trở thành nội dung không thể thiếu trong các hiệp định thương mại đa phương và song phương.

Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA) là loại hiệp định hợp tác kinh tế được ký kết giữa hai hay nhiều nước, nhằm cắt giảm các hàng rào thương mại (chủ yếu là hàng rào thuế quan và phi thuế quan) giữa các nước, nhằm thúc đẩy thương mại hàng hoá và dịch vụ giữa các quốc gia. Ngày nay, sự phát triển của thương mại thế giới đã dẫn đến việc ngày càng có nhiều hiệp định thương mại tự do không những chỉ quy định về các vấn đề thương mại truyền thống (thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ) mà còn cả các vấn đề khác liên quan đến thương mại (như sở hữu trí tuệ, lao động...). Các hiệp định này về nội dung vẫn dựa trên quy định chung, mang tính nền tảng của WTO (Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại - GATT, Hiệp định về Thương mại dịch vụ - GATS, Hiệp định về Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ - Hiệp định TRIPS năm 1994) nhưng được gọi là các FTA “thế hệ mới” bởi: 1) mức độ tự do hoá thương mại sâu hơn; 2) phạm vi cam kết bao trùm, toàn diện; 3) có yêu cầu cao hơn, cơ chế giám sát chặt chẽ hơn và có cơ chế giải quyết tranh chấp riêng biệt; 4) luôn có các thành viên là nền kinh tế hàng đầu thế giới.⁽⁴⁾

Như vậy, có thể hiểu, hiệp định thương mại tự do “thế hệ mới” là hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện được ký kết giữa hai hay nhiều nước về các vấn đề thương mại và

bổ sung các năm 2009, 2019).

(3). Chú thích 62 của Hiệp định EVFTA. Xem toàn văn Hiệp định EVFTA tại: [http://evfta.moit.gov.vn/data/7d80034a-9a2a-4c93-8046-9df701661850/userfiles/files/00%20EVFTA%20main%20text_Vie_FINAL\(1\).pdf](http://evfta.moit.gov.vn/data/7d80034a-9a2a-4c93-8046-9df701661850/userfiles/files/00%20EVFTA%20main%20text_Vie_FINAL(1).pdf), truy cập 05/4/2021.

(4). Hồ Thúy Ngọc, “Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, trong: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Luật học Việt Nam - Những vấn đề đương đại*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019, tr. 1151.

vấn đề có liên quan đến thương mại với mức độ cam kết mở cửa thị trường cao hơn so với các cam kết trong WTO và các FTA truyền thống, nhằm loại bỏ hàng rào thương mại và phi thương mại giữa các nước, từ đó thúc đẩy tự do hoá thương mại và phát triển bền vững.

Trong thời gian gần đây Việt Nam đã chủ động kí kết nhiều hiệp định thương mại tự do với các nước, trong số đó phải kể tới Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)⁽⁵⁾ gồm 11 nước thành viên: Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA).⁽⁶⁾ Đây là hai hiệp định có phạm vi điều chỉnh rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước đến nay (gọi tắt là FTA thế hệ mới).⁽⁷⁾ Điều khoản về sở hữu trí tuệ trong FTA thế hệ mới về cơ bản đều được xây dựng dựa trên các quy định của Hiệp định TRIPS năm 1994 nhưng ở mức độ bảo hộ sâu hơn, rộng hơn và được gọi là “TRIPS cộng” hay “TRIPS siêu cộng”: “*Với mục đích của khoản này, “bảo hộ” bao gồm các vấn đề ảnh hưởng tới sự sẵn có, xác lập,*

phạm vi, duy trì, và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng như các yếu tố ảnh hưởng tới việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ quy định cụ thể bởi Chương này. Thêm vào đó, với mục đích của khoản này, “bảo hộ” còn bao gồm việc ngăn cấm sự phá hoại các biện pháp kỹ thuật hữu hiệu quy định tại Điều 18.68 (TPMs) và các quy định liên quan đến thông tin quản lý quyền tại Điều 18.69 (RMI)”.⁽⁸⁾

Ngoài Hiệp định TRIPS năm 1994, chương về SHTT trong các FTA thế hệ mới còn đề cập nhiều điều ước quốc tế khác liên quan đến từng đối tượng sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WIPO, tiêu biểu như Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật năm 1886; Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp năm 1883⁽⁹⁾... Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các quy định trong FTA thế hệ mới và ĐUQT khác về sở hữu trí tuệ thì quy định trong FTA phải được giải thích theo cách không mâu thuẫn hoặc không phương hại đến quy định trong các ĐUQT đó.

1. Mục tiêu, nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

1.1. Mục tiêu

Mặc dù trong giai đoạn hiện nay có nhiều yếu tố mới tác động tới việc bảo hộ quyền SHTT (như quá trình toàn cầu hoá diễn ra sâu, rộng; sự ra đời và phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0...) nhưng

(5). Hiệp định chính thức có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 14/11/2019. Các quy định về sở hữu trí tuệ trong CPTPP là sự kế thừa Chương 18 Sở hữu trí tuệ của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership-TPP).

(6). Hiệp định có hiệu lực tại Việt Nam ngày 01/8/2020. Sở hữu trí tuệ được quy định tại Chương 12 EVFTA.

(7). Hiệp định thương mại được kí kết giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh (UKVFTA) có hiệu lực từ ngày 31/12/2020, nội dung của Hiệp định là sự kế thừa toàn bộ quy định của EVFTA. Do vậy, quy định của EVFTA cũng là quy định của UKVFTA.

(8). Chú thích 4 Chương Sở hữu trí tuệ của Hiệp định CPTPP. Xem toàn văn Hiệp định CPTPP tại: <http://cptpp.moit.gov.vn/data/e0593b3b-82bf-4956-9721-88e51bd099e6/userfiles/files/18%20Chương%20Sở%20hữu%20trí%20tuệ%20-%20VIE.pdf>, truy cập 06/4/2021.

(9). Điều 18.1 CPTPP; Điều 12.5 Hiệp định EVFTA.

các mục tiêu mang tính nền tảng trong bảo hộ quyền SHTT được quy định từ các ĐUQT trước đây vẫn được FTA thế hệ mới đã kế thừa và phát triển, cụ thể là các mục tiêu sau:

Một là, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ gắn liền với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ vì sự văn minh, tiến bộ của loài người.

Việc bảo hộ quyền SHTT nhằm tạo điều kiện cho chủ sở hữu được độc quyền khai thác giá trị tài sản SHTT, bù đắp phí tổn họ phải chịu trong quá trình nghiên cứu và phát triển tài sản trí tuệ. Chính lợi nhuận thu được từ quyền độc quyền này đã khuyến khích hoạt động nghiên cứu và phát triển tạo ra sản phẩm mới, quy trình tiến tiến, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tiêu chí vừa bảo đảm lợi ích hợp pháp của chủ thể sáng tạo vừa thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ trở thành mục tiêu chung trong việc bảo hộ quyền SHTT được ghi nhận trong nhiều ĐUQT về SHTT. Ngay trong Lời nói đầu của Hiệp định TRIPs năm 1994 đã khẳng định: *“Thừa nhận quyền sở hữu trí tuệ là các quyền tư hữu”* và *“Thừa nhận những mục tiêu sách lược xã hội cơ bản của các hệ thống quốc gia về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong đó có mục tiêu phát triển và công nghệ”*. Mục tiêu này tiếp tục được ghi nhận, khẳng định tại các FTA thế hệ mới như: *“Việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải đóng góp vào việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển giao và phổ biến công nghệ, vì lợi ích chung của các nhà sản xuất và người sử dụng và theo cách thức có lợi cho phúc lợi xã hội và kinh tế, và bảo đảm*

sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ”;⁽¹⁰⁾

“xét các mục tiêu chính sách công cộng cơ bản của các hệ thống quốc gia, các bên thừa nhận sự cần thiết phải: (a) thúc đẩy đổi mới và sáng tạo; (b) tạo điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá thông tin, tri thức, công nghệ, văn hoá và nghệ thuật...”.⁽¹¹⁾

Hai là, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ gắn liền với việc phát triển thương mại bền vững.

Thương mại bền vững là nền thương mại đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể, không tồn tại những rào cản bất hợp lí, làm cản trở hoạt động thương mại hợp pháp. Từ lâu SHTT được xem là bộ phận quan trọng của thương mại, đối tượng của quyền SHTT là loại hàng hoá được lưu thông phổ biến trên thị trường mang lại lợi nhuận cho chủ sở hữu và chủ thể nắm giữ loại tài sản đặc biệt này. Với việc thương mại hoá tài sản trí tuệ, tài sản trí tuệ trực tiếp mang lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh, nâng cao uy tín của các chủ thể này, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển. Tuy nhiên, với bản chất là loại tài sản vô hình, quyền SHTT của các chủ thể rất dễ bị đối thủ cạnh tranh xâm phạm từ nhiều góc độ khác nhau, tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường, làm mất ổn định quan hệ thương mại. Chống cạnh tranh không lành mạnh là mục tiêu quan trọng trong bảo hộ quyền SHTT đã được ghi nhận từ những điều ước quốc tế đầu tiên về bảo hộ quyền SHTT (như Điều 10 bis Công ước Paris năm 1883 về bảo hộ sở hữu công nghiệp). Mục tiêu này tiếp tục được FTA thế

(10). Điều 12.1. EVFTA.

(11). Điều 18.4 của CPTPP.

hệ mới ghi nhận và kế thừa. Cụ thể, Hiệp định EVFTA quy định, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ: “Việc bảo hộ sở hữu trí tuệ bao gồm bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh như được đề cập tại Điều 10bis Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp ngày 20 tháng 3 năm 1883, sửa đổi lần cuối tại Xtóc-khôm ngày 14 tháng 7 năm 1967 (sau đây gọi là “Công ước Paris”).⁽¹²⁾

Không thể phủ nhận vai trò của việc bảo hộ độc quyền SHTT trong việc hình thành lợi thế cạnh tranh cho chủ sở hữu. Tuy nhiên, cũng từ vị trí độc quyền này, mặt trái của cạnh tranh đã xuất hiện, đó là chủ sở hữu có thể lạm dụng quyền SHTT của mình gây cản trở đối với hoạt động thương mại của các đối thủ cạnh tranh, thậm chí đẩy các đối thủ này ra khỏi thị trường liên quan để độc chiếm thị trường: “Lạm dụng quyền SHTT là hiện tượng chủ sở hữu quyền SHTT đã cố gắng mở rộng tính độc quyền của quyền SHTT vượt quá giới hạn cho phép của pháp luật và gây hạn chế cạnh tranh”.⁽¹³⁾

Hiện tượng lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ gây ảnh hưởng rất lớn tới mục tiêu phát triển nền thương mại ổn định và thịnh vượng. Chính vì vậy, song song với việc ghi nhận quyền chống cạnh tranh không lành mạnh, các FTA thế hệ mới còn đặt ra mục tiêu quan trọng khác trong việc bảo hộ quyền SHTT: đó là chống lại việc lạm dụng quyền SHTT: “Các biện pháp thích hợp, với điều kiện chúng không trái với các quy định tại Chương này, có thể cần thiết để ngăn chặn sự lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền hoặc

các hành vi gây cản trở thương mại một cách bất hợp lý hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chuyển giao công nghệ quốc tế”.⁽¹⁴⁾

Ba là, bảo hộ quyền SHTT cần phải có sự cân đối, hài hoà giữa lợi ích của chủ sở hữu quyền SHTT và lợi ích cộng đồng.

Như đã phân tích, việc bảo hộ độc quyền SHTT nhằm bảo đảm lợi ích chính đáng của chủ sở hữu, tạo ra những thành tựu mới cho khoa học, kĩ thuật. Tuy nhiên, điều này có thể ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng, đặc biệt trong việc bảo hộ độc quyền đối với các đối tượng nhạy cảm (như sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm). Cụ thể, việc bảo hộ độc quyền đối với SHTT có thể tạo ra rào cản trong việc tiếp cận các đối tượng SHTT trực tiếp liên quan đến vấn đề sống còn của cộng đồng dân cư.

Nguyên tắc cân bằng quyền của chủ sở hữu quyền SHTT và lợi ích cộng đồng trong bảo hộ quyền SHTT được bắt nguồn từ nhiều học thuyết khác nhau trong lịch sử như “thuyết sử dụng hợp lý” (Fair Use Doctrine), “thuyết hết quyền” (Exhaustion Doctrine), “nhập khẩu song song” (Parallel Import), “chuyển giao li xăng bắt buộc” (Compulsory Licence)... Đối với pháp luật quốc tế, nguyên tắc này được quy định từ những ĐUQT đầu tiên về SHCN. Công ước Paris năm 1883 quy định: “Mỗi nước thành viên liên minh đều có quyền đưa ra những biện pháp pháp lý quy định việc cấp li-xăng cưỡng bức nhằm ngăn chặn việc lạm dụng có thể nảy sinh từ việc thực hiện độc quyền được xác lập bởi patent, ví dụ như không sử dụng sáng chế”.⁽¹⁵⁾

(12). Khoản 3 Điều 12.2 Hiệp định EVFTA.

(13). Thomas F. Cotter, *Misuse*, Scholarship Repository University of Minnesota Law School, 2007, p. 902.

(14). Điều 12.1. EVFTA.

(15). Điều 5a Công ước Paris năm 1883 về Bảo hộ sở

Không chỉ giới hạn liên quan đến sức khoẻ cộng đồng, các FTA thế hệ mới còn bổ sung việc bảo hộ quyền SHTT cần có sự hài hoà với các lĩnh vực khác mang tính sống còn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội và sự phát triển công nghệ của quốc gia đó.⁽¹⁶⁾ Quy định này rất có ý nghĩa đối với các quốc gia đang phát triển, cho phép các quốc gia đó khai thác hợp pháp các giá trị của tài sản trí tuệ để phát triển các lĩnh vực mang tính chất công phục vụ cộng đồng và phát triển đất nước.

1.2. Nguyên tắc bảo hộ

Phù hợp với tính chất của hiệp định thương mại tự do, đối với lĩnh vực SHTT, các FTA thế hệ mới đều ghi nhận 02 nguyên tắc chủ đạo của thương mại quốc tế là:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia

Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) là nguyên tắc quan trọng được quy định trong hầu hết các ĐUQT về SHTT từ trước đến nay. Theo đó, việc bảo hộ quyền SHTT của công dân nước thành viên này trên lãnh thổ của nước thành viên khác sẽ như công dân của nước mình. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo sự bình đẳng về mặt pháp lý giữa người nước ngoài và công dân nước sở tại trong lĩnh vực quyền SHTT: *“Mỗi bên phải dành cho công dân của bên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho công dân của mình liên quan đến bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ”*.⁽¹⁷⁾

Ngoài ra, theo quy định của Hiệp định CPTPP, các quốc gia thành viên được áp

dụng một số ngoại lệ khi áp dụng nguyên tắc đối xử quốc gia. Cụ thể, liên quan đến việc sử dụng thứ cấp bản ghi âm bằng các phương tiện truyền thông kỹ thuật tương tự (analog) và phát sóng qua không trung miễn phí, một bên có thể giới hạn quyền của người biểu diễn và nhà sản xuất của một bên khác ở những quyền mà người của bên mình được hưởng trong phạm vi thẩm quyền của bên khác đó. Tương tự như vậy, một bên có thể hạn chế việc áp dụng khoản 1 Điều 18.8 Hiệp định CPTPP liên quan đến các thủ tục hành chính và tư pháp, bao gồm việc yêu cầu công dân của bên khác phải chỉ định địa chỉ giao dịch trong lãnh thổ của mình hoặc chỉ định một đại diện trong lãnh thổ của mình, với điều kiện việc hạn chế này: 1) là cần thiết nhằm bảo đảm sự tương thích với những quy định của pháp luật không mâu thuẫn với các quy định của Hiệp định về SHTT; 2) không được áp dụng theo cách thức có thể tạo ra sự hạn chế trá hình đối với thương mại.⁽¹⁸⁾

Mặt khác Hiệp định CPTPP cũng quy định rõ khoản 1 Điều 18.8 được nêu trên không áp dụng cho các thủ tục được quy định trong các điều ước đa phương được ký kết dưới sự bảo trợ của WIPO liên quan đến việc xác lập và duy trì các quyền sở hữu trí tuệ.

- Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc

Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN) trong lĩnh vực SHTT được quy định tại Điều 4 Hiệp định TRIPS năm 1994, theo đó: *“Bất kì một sự ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc sự miễn trừ nào được một thành viên dành cho công dân của bất kì nước nào khác cũng*

hữu công nghiệp, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/So-huu-tri-tue/Cong-uoc-Paris-bao-ho-so-huu-cong-nghiep-62697.aspx>, truy cập 06/4/2021.

(16). Điều 18.3 Hiệp định CPTPP.

(17). Khoản 1 Điều 18.8 CPTPP.

(18). Khoản 2 và 3 Điều 18.8 CPTPP.

phải được lập tức và vô điều kiện dành cho công dân của tất cả các thành viên khác". Từ quy định trên, các FTA thế hệ mới đã xây dựng nên điều khoản về nguyên tắc MFN. Cụ thể Điều 12.3 Hiệp định EVFTA quy định: *"Liên quan đến việc bảo vệ sở hữu trí tuệ, bất kì một lợi thế, ưu đãi, đặc quyền hoặc miễn trừ nào được trao bởi một bên cho các công dân của bất kì quốc gia khác phải được trao ngay lập tức và vô điều kiện cho các công dân của bên kia, với các ngoại lệ được quy định tại các Điều 4 và 5 của Hiệp định TRIPS".*

Theo nguyên tắc này, công dân của một bên kí kết FTA thế hệ mới được hưởng lợi từ những lợi thế, ưu đãi, đặc quyền hay miễn trừ mà Bên còn lại đã và đang áp dụng cho công dân của bất cứ quốc gia nào khác kèm theo các ngoại lệ được quy định tại Điều 4 và Điều 5 Hiệp định TRIPS.

2. Đối tượng và tiêu chuẩn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Về đối tượng của quyền SHTT và tiêu chuẩn bảo hộ, các FTA thế hệ mới cơ bản kế thừa quy định của các ĐUQT trong khuôn khổ WIPO, cũng như quy định của Hiệp định TRIPS năm 1994, bao gồm quyền tác giả và các quyền liên quan, sáng chế, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lí, kiểu dáng công nghiệp, thông tin bí mật, thiết kế bố trí mạch tích hợp và giống cây trồng.⁽¹⁹⁾ Tuy nhiên, về

phạm vi bảo hộ đối với một số đối tượng cụ thể, các FTA thế hệ mới có sự mở rộng phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ. Ví dụ, đối với sáng chế, CPTPP, EVFTA cho phép bảo hộ sáng chế đối với những giải pháp kỹ thuật dạng sử dụng (use claims) - tức là sử dụng một đối tượng đã biết theo chức năng mới hay phần mềm máy tính cũng có thể được bảo hộ là sáng chế.⁽²⁰⁾ Tương tự như vậy, đối với nhãn hiệu, cả EVFTA và CPTPP đều quy định, nhãn hiệu được bảo hộ không chỉ là các dấu hiệu nhìn thấy được mà còn mở rộng đối với cả nhãn hiệu âm thanh và nhãn hiệu mùi.⁽²¹⁾ Việc mở rộng phạm vi dấu hiệu được bảo hộ là nhãn hiệu theo các FTA thế hệ mới là phù hợp với xu thế chung trên toàn thế giới, giúp đảm bảo tối đa quyền lợi của các chủ thể khi hàng hoá, dịch vụ trên thị trường ngày càng đa dạng, phong phú. Việc đưa ra nhãn hiệu mới lạ, thú vị nhằm thu hút người tiêu dùng bằng các loại giác quan là cách thức hiệu quả để xúc tiến thương mại. Cũng liên quan đến nhãn hiệu, các FTA thế hệ mới đều bổ sung quy định về ngoại lệ liên quan đến quyền đối với nhãn hiệu, cụ thể cho phép các chủ thể sử dụng trung thực các thuật ngữ mang tính mô tả là một ngoại lệ về giới hạn quyền đối với nhãn hiệu.⁽²²⁾ Ngoài ra,

dáng công nghiệp, sáng chế, thông tin bí mật, giống cây trồng).

(20). Vũ Thị Hồng Yến, "Hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam liên quan đến sáng chế và nhãn hiệu trong bối cảnh hội nhập và phát triển", trong: *Luật học Việt Nam - Những vấn đề đương đại*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019, tr. 363, 366.

(21). Điều 18.18 CPTPP.

(22). Sử dụng trung thực các thuật ngữ mang tính mô tả bao gồm việc sử dụng dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lí

(19). Các quy định về đối tượng SHTT và tiêu chuẩn bảo hộ được quy định cụ thể từ Điều 18.8 đến Điều 18.70 CPTPP (bao gồm các đối tượng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lí, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan) và từ Điều 12.5 đến Điều 12.42 EVFTA (bao gồm các đối tượng quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lí, kiểu

theo tinh thần của CPTPP và EVFTA pháp luật Việt Nam cũng có thể quy định các ngoại lệ, giới hạn khác trong việc bảo hộ nhãn hiệu, với điều kiện các ngoại lệ đó có tính đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu và các bên thứ ba.

Các quy định trên là xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới trong việc mở rộng các đối tượng được bảo hộ quyền SHTT, từ đó đặt ra yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung pháp luật SHTT của Việt Nam. Ví dụ, đối với nhãn hiệu, hiện nay pháp luật Việt Nam chỉ cho phép đăng kí các dấu hiệu nhìn thấy được mang tính truyền thống như từ ngữ, hình ảnh hay sự kết hợp của các yếu tố trên;⁽²³⁾ hoặc theo Điều 59 Luật SHTT, phần mềm máy tính là đối tượng bị loại trừ không được bảo hộ với danh nghĩa là sáng chế.

3. Quyền của chủ sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ

Quyền của chủ sở hữu các đối tượng SHTT trong các FTA thế hệ mới đều có sự kế thừa quy định của Hiệp định TRIPS năm 1994 và các ĐUQT trước đó về quyền SHTT bao gồm, quyền nhân thân (đúng tên mình trên tác phẩm, phản đối sự cắt xén, sửa đổi tác phẩm...), quyền tài sản (quyền sao chép, quyền dịch, quyền chuyển giao...). Bên cạnh đó, các FTA thế hệ mới còn có quy định mang tính chất đặc thù để bảo hộ quyền SHTT cho các chủ thể thích ứng với sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

của hàng hoá hoặc dịch vụ, nếu việc sử dụng đó phù hợp với thực tiễn trung thực trong thương mại và công nghiệp (Chú thích 53 của Hiệp định EV/FTA).

(23). Điều 72 Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019).

Cách mạng công nghiệp 4.0 được biết đến là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, còn được gọi là cuộc cách mạng số “bắt nguồn từ sự giao thoa giữa điện toán đám mây, dữ liệu lớn, Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI)”⁽²⁴⁾ với mục đích chuyển hoá toàn bộ thế giới thực thành thế giới số. Cuộc cách mạng này mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế, cho xã hội, làm cho cuộc sống của con người ngày càng trở nên hiện đại và thuận tiện. Đối với lĩnh vực bảo hộ quyền SHTT, công nghệ số tác động mang tính chất hai mặt, thuận lợi và thách thức.

Về thuận lợi, nhờ phương thức kết nối mọi người đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, tiết kiệm, Internet giúp các đối tượng SHTT được quảng bá tới đông đảo người sử dụng một cách trực tiếp mà không cần thông qua trung gian nào. Đây chính là cách khai thác tài sản SHTT nhanh nhất, hiệu quả nhất. Đối với quyền tác giả và quyền liên quan, việc phân phối tác phẩm trên phạm vi toàn cầu cũng không gặp khó khăn từ thủ tục hải quan hay thủ tục xin cấp phép. Mặt khác, công nghệ số cũng tạo điều kiện cho người sử dụng có thể truy cập, sử dụng tác phẩm mọi lúc, mọi nơi, chỉ cần có kết nối Internet và vài thao tác “click” chuột. Tác phẩm dù ở bất kì dạng nào đều có thể được số hoá để lưu trữ với số lượng lớn và hiển thị bất kì thời điểm nào khi người sử dụng có nhu cầu tiếp cận. Cũng nhờ công nghệ số tác giả, chủ sở hữu tác phẩm có thể dễ dàng thực hiện hành vi sao chép, ít tốn kém mà vẫn đảm bảo được chất lượng khi tác phẩm đã được số

(24). Thomas M.Siebel, *Chuyển đổi số, sống sót và bứt phá trong kỷ nguyên sụp đổ hàng loạt*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr. 37.

hoá, định dạng dưới các tệp dữ liệu trên Internet. Hơn nữa, trong công nghệ số, các chủ thể sử dụng Internet hoàn toàn có thể trở thành chủ thể truyền phát, phổ biến,... khiến cho số lượng phân phối bản sao chép tạm thời tác phẩm trong môi trường số gia tăng nhanh chóng.

Bên cạnh mặt tích cực, công nghệ số cũng tạo ra nhiều thách thức, khó khăn trong việc bảo hộ quyền SHTT. Theo đó, cần phải có cơ chế mới để bảo hộ các đối tượng mới ra đời từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ví dụ bảo hộ đối tượng SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông minh (sáng chế được tạo ra từ trí tuệ nhân tạo; kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm tạo ra từ công nghệ 3D...) Đối với việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, cần giải quyết mối quan hệ giữa quyền tự do thông tin trên Internet và bảo hộ độc quyền đối với tác giả; quy định các phương thức hiệu quả để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trước hành vi khai thác, sử dụng bất hợp pháp các tác phẩm... Thực tế cho thấy, chỉ với một chiếc máy tính nối mạng, người dùng Internet có thể khai thác, sử dụng hàng loạt loại hình tác phẩm (tác phẩm nhiếp ảnh, âm nhạc, văn học, nghệ thuật, khoa học...) một cách dễ dàng thông qua trang thông tin điện tử mà không cần biết đến chủ sở hữu của các tác phẩm.

Để thích ứng với việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trong môi trường số, các FTA thế hệ mới đều đặt ra nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải tham gia hai ĐUQT quan trọng của WIPO về bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trong môi trường số: Hiệp ước của WIPO về Quyền tác giả năm 1996 (WIPO Copyright Treaty -

WCT), Hiệp ước WIPO về Trình diễn và bản ghi âm năm 1996 (WIPO Performances and Phonograms Treaty - WPPT).⁽²⁵⁾ Ngoài ra, các FTA thế hệ mới còn bổ sung một số quy định mang tính đặc thù về bảo hộ quyền của tác giả, quyền liên quan trong môi trường số như quy định về quyền sao chép, quyền phân phối, quyền truyền đạt đến công chúng trong môi trường số, quy định về biện pháp công nghệ, sử dụng thông tin quản lý quyền để bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan⁽²⁶⁾... Song song với đó, các FTA thế hệ mới đặt ra yêu cầu cho quốc gia thành viên áp dụng quy trình điện tử để xác lập quyền SHTT đối với nhãn hiệu cũng như các thông tin khác liên quan đến đăng ký nhãn hiệu: “*Mỗi bên phải quy định: (a) một hệ thống dành cho đơn đăng ký và duy trì hiệu lực nhãn hiệu, bằng điện tử; và (b) một hệ thống thông tin điện tử có thể truy cập công cộng, bao gồm cơ sở dữ liệu trực tuyến gồm các đơn đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu đã được đăng ký*”.⁽²⁷⁾ Các quy định này mang tính định hướng cho các quốc gia thành viên trong việc hoàn thiện pháp luật SHTT trước những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tại Việt Nam, pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan thiếu vắng một số quy định đặc thù trong việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường số gây ra khó khăn nhất định trong việc bảo hộ quyền và lợi ích của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu quyền liên quan. Do vậy pháp

(25). Khoản 2 Điều 18.7 Hiệp định CPTPP.

(26). Điều 18.68 và Điều 18.69 CPTPP; Điều 12.12 và Điều 12.13 Hiệp định EVFTA.

(27). Điều 18.24 Hiệp định CPTPP.

luật về quyền tác giả và quyền liên quan cần bổ sung một số quy định mang tính đặc thù về quyền của tác giả và quyền liên quan trong môi trường số, như các quy định về quyền sao chép tạm thời; quyền sao chép đối với chương trình máy tính; quy định về mối quan hệ giữa quyền tác giả và quyền liên quan; quy định về “cạnh quyền” đối với quyền tác giả và quyền liên quan...

Nghị quyết số 52 NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đặt ra các mục tiêu để phát triển đất nước, trong đó có mục tiêu về hoàn thiện pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng; đồng thời ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. Đối với pháp luật trong lĩnh vực SHTT, Nghị quyết chỉ rõ: *“Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hoá và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ”*.⁽²⁸⁾

4. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Vấn đề thực thi quyền SHTT được quy định cụ thể tại Hiệp định TRIPS năm 1994, bao gồm các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự, biện pháp kiểm soát biên giới. Trên nền tảng đó, các FTA thế hệ mới đã quy định

cụ thể và gia tăng tính nghiêm khắc của các chế tài áp dụng đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT, cụ thể:

Một là, quy định cụ thể hơn về cách tính bồi thường thiệt hại đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Bồi thường thiệt hại là chế tài dân sự phổ biến được áp dụng đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT nhằm bù đắp cho các thiệt hại thực tế mà bên bị vi phạm đã phải chịu do hành vi vi phạm. Theo Điều 12.51 EVFTA, các cơ quan tư pháp có nghĩa vụ xem xét “tất cả các khía cạnh thích hợp” để tính toán mức bồi thường thiệt hại, bao gồm:

- Tính tới mọi khía cạnh phù hợp, ví dụ, hậu quả tiêu cực về kinh tế, bao gồm sự suy giảm lợi nhuận, mà bên bị thiệt hại phải chịu, bất kỳ lợi nhuận không chính đáng nào mà bên xâm phạm có được. Theo đó việc tính lợi nhuận không chính đáng do người xâm phạm thu được không được tính trùng với lợi nhuận bị mất đi.⁽²⁹⁾

- Trong trường hợp phù hợp, các yếu tố phi kinh tế khác (thuật ngữ “các yếu tố phi kinh tế khác” bao gồm ảnh hưởng về mặt tinh thần do việc xâm phạm quyền tinh thần của nhà sáng chế hoặc tác giả)⁽³⁰⁾ cũng được tính đến để xác định mức bồi thường thiệt hại.

- Trong trường hợp thích hợp, ấn định khoản bồi thường cố định trên cơ sở các yếu tố như, ít nhất là phí bản quyền hoặc các mức phí hợp lý lẽ ra người bị xâm phạm được hưởng nếu người xâm phạm trước đó đã yêu cầu cho phép sử dụng quyền sở hữu trí tuệ liên quan.

(28). Nghị quyết số 52 NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(29). Chú thích 64 của Hiệp định EVFTA.

(30). Chú thích 65 của Hiệp định EVFTA.

Để bảo đảm quyền lợi cho bên có quyền SHTT bị xâm phạm, hiệp định EVFTA còn quy định ngay cả trong trường hợp người xâm phạm không biết hoặc có cơ sở hợp lý để không biết việc dính líu đến hành vi xâm phạm thì có quan tư pháp có thẩm quyền có thể yêu cầu, nhằm hỗ trợ cho bên bị thiệt hại, một khoản bù đắp lợi nhuận hoặc khoản bồi thường thiệt hại theo mức ấn định.⁽³¹⁾

Hai là, quy định biện pháp thay thế áp dụng cho các hành vi xâm phạm SHTT bị xử lý dân sự. Các biện pháp thay thế thể hiện sự linh hoạt trong việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT theo đúng bản chất là quan hệ dân sự. Cụ thể, để đảm bảo quyền lợi của bên vi phạm cũng như tăng khả năng khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm, Điều 12.50 Hiệp định EVFTA cho phép trong trường hợp thích hợp, người vi phạm có quyền yêu cầu cơ quan tư pháp cho phép bồi thường thiệt hại bằng tiền cho bên bị vi phạm thay cho việc bị áp dụng biện pháp khắc phục khác.

Ba là, mở rộng phạm vi áp dụng của biện pháp tạm thời. Trước đây Hiệp định TRIPS quy định biện pháp tạm thời chỉ được áp dụng đối với hàng hoá. Theo quy định tại Hiệp định EVFTA, toà án có thể áp dụng biện pháp này với dịch vụ của một bên đang được sử dụng bởi một bên thứ ba nhằm mục đích xâm phạm quyền SHTT: “*Lệnh khẩn cấp tạm thời có thể được ban hành đối với một bên mà dịch vụ do bên này cung cấp có thể bị bên thứ ba dùng để xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và bên cung cấp*

dịch vụ đó thuộc thẩm quyền xét xử của cơ quan tư pháp”.⁽³²⁾

Bốn là, cụ thể hoá các hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử lý hình sự. Chế tài hình sự là chế tài nghiêm khắc nhất áp dụng với hành vi xâm phạm sở hữu trí tuệ, tuy nhiên, hiện nay quy định về xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm SHTT trong pháp luật Việt Nam vẫn còn chung chung, khó áp dụng. Ví dụ Điều 212 Luật SHTT quy định: “*Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự*” mà chưa chỉ rõ các hành vi vi phạm cụ thể để áp dụng chế tài này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 18.7 CPTPP, các hành vi xâm phạm SHTT sẽ bị xử lý hình sự khi: “(a) các hành vi thực hiện để đạt được lợi thế thương mại hoặc thu lợi tài chính; (b) các hành vi, không phải thực hiện để đạt được lợi thế thương mại hoặc thu lợi tài chính nhưng có gây hại một cách đáng kể tới lợi ích của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan liên quan đến thị trường”. Như vậy, với quy định này, kể cả trong trường hợp chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT không nhằm mục đích tạo ra lợi thế thương mại nhưng đã xâm phạm nghiêm trọng tới lợi ích của chủ thể quyền thì vẫn bị áp dụng chế tài hình sự.

Nội dung pháp lý mới mang tính đặc thù nhất trong việc thực thi quyền SHTT theo các FTA thế hệ mới là quy định rõ trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian (nhà cung cấp dịch vụ Internet) trong việc

(31). Khoản 2 Điều 12.51 Hiệp định EVFTA.

(32). Điều 12.45 EVFTA.

ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền SHTT trong môi trường số. Theo quy định của các FTA thế hệ mới, quốc gia thành viên quy định cơ chế sao cho nhà cung cấp dịch vụ Internet phải hợp tác hiệu quả với chủ thể quyền tác giả và quyền liên quan nhằm ngăn chặn hành vi lưu trữ và truyền đưa nội dung đã được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan mà chưa được sự cho phép của chủ thể quyền và phải có hành động phù hợp nhằm ngăn chặn hành vi nêu trên. Nhà cung cấp dịch vụ internet phải có trách nhiệm nhanh chóng gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy cập đến tài liệu trên mạng hoặc hệ thống của họ khi thực sự nhận thức được hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc nhận biết được sự việc hoặc tình huống trong đó hành vi xâm phạm là rõ ràng hiển nhiên, ví dụ như thông qua việc tiếp nhận thông báo về hành vi bị cáo buộc xâm phạm từ chủ thể quyền hoặc người được chủ thể quyền uỷ quyền.⁽³³⁾

Quy định trên của các FTA thế hệ mới là chặt chẽ và khá toàn diện nhằm xử lý nghiêm minh đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT. Trước thực trạng hành vi xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam khá phổ biến như hiện nay thì các quy định trên của các FTA thế hệ mới là thách thức lớn đối với Việt Nam. Điều này đặt ra yêu cầu không chỉ hoàn thiện, bổ sung quy định của pháp luật mà còn phải chuẩn bị các nguồn lực, vật lực, trí lực... của các cơ quan chức năng (như toà án, hải quan...) để thực thi hiệu quả quyền SHTT theo quy định của các FTA thế hệ mới.

(33). Điều 12.55 Hiệp định EVFTA và từ Điều 18.81 đến Điều 18.82 Hiệp định CPTPP.

Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội Khoá XIV phê chuẩn CPTPP và Nghị quyết số 102/2020/QH14 của Quốc hội Khoá XIV phê chuẩn EVFTA đã đặt ra yêu cầu về hoàn thiện pháp luật trong nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực SHTT... Việc đảm bảo sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các ĐUQT nêu trên là tất yếu trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, tuy nhiên điều đó sẽ là thách thức rất lớn đối với Việt Nam - quốc gia đang phát triển với những khó khăn nhất định về điều kiện kinh tế, chăm sóc sức khỏe của người dân và giải quyết những vấn đề công cộng khác. Do vậy, pháp luật về SHTT Việt Nam một mặt phải “nội luật hoá” một cách đầy đủ các quy định về bảo hộ quyền SHTT theo quy định của FTA thế hệ mới, một mặt phải vận dụng linh hoạt những quy định ngay trong nội dung các FTA thế hệ mới để mang lại những lợi ích thiết thực cho cộng đồng như các quy định về “hết quyền SHTT”, “nhập khẩu song”, “bắt buộc chuyển giao quyền SHTT” sao cho vừa đảm bảo sự tương thích với quy định của FTA thế hệ mới, vừa phù hợp với điều kiện kinh tế-chính trị-xã hội của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thomas F. Cotter, *Misuse*, Scholarship Repository University of Minnesota Law School, 2007.
2. Thomas M. Siebel, *Chuyển đổi số, sống sót và bứt phá trong kỷ nguyên sụp đổ hàng loạt*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Luật học Việt Nam - Những vấn đề đương đại*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019.